

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51 / 2019/CV-JVC  
(V/v: CBTT BCTC Quý IV/2018 và  
Giải trình biến động LNST)

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

**Kính gửi:**

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
  - Mã chứng khoán: **JVC**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
  - Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hà Thanh**
  - Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
  - Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu :  định kỳ
- Nội dung thông tin công bố (\*):

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý IV năm 2018 như sau:

1. Báo cáo tài chính Quý IV/2018 (giai đoạn 01/01/2019 – 31/03/2019) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:

[http://yateviethat.com.vn/bao-cao-tai-chinh\\_t370c37tn.aspx](http://yateviethat.com.vn/bao-cao-tai-chinh_t370c37tn.aspx)

2. Giải trình Báo cáo tài chính Quý IV/2018 (giai đoạn 01/01/2019 – 31/03/2019) do Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế biến động hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

**a. Báo cáo tài chính riêng Quý IV/2018 (giai đoạn 01/01/2019 – 31/03/2019):**

- Doanh thu thuần Quý IV/2018: 96,795,278,403 VND
- Doanh thu thuần Quý IV/2017: 103,632,627,211 VND



- Doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2018: 607,623,301,303 VND
- Doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2017: 533,645,592,719 VND
  
- LNST Quý IV/2018: 1,647,951,710 VND
- LNST Quý IV/2017: 5,032,338,587 VND
- LNST Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2018: 16,330,824,799 VND
- LNST Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2017: 13,695,600,041 VND

Doanh thu thuần lũy kế từ đầu kỳ đến cuối Quý IV/2018 tăng 73.97 tỷ tương ứng tăng 13.85% so với lũy kế cùng kỳ năm trước.

Lãi sau thuế Quý IV/2018 là giảm 3.38 tỷ VND tương ứng giảm 67.25% so với cùng kỳ năm trước.

Lãi sau thuế Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối Quý IV/2018 tăng 2.63 tỷ VND tương ứng tăng 19.24% so với số lũy kế cùng kỳ năm trước.

Lý do: Lý do chủ yếu của sự biến động trên là do năm 2018 Công ty đã đẩy mạnh mảng kinh doanh thiết bị lớn, tăng cường công tác quản trị dẫn đến doanh thu tăng và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng đạt được kết quả khả quan hơn năm 2017. Lợi nhuận Quý IV/2018 giảm so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do nhà cung cấp mặt hàng phim, máy in cho Công ty thay đổi phương thức tặng hàng dẫn đến thay đổi cách ghi nhận kế toán. Theo đó, khoản thu nhập khác được ghi nhận tại Quý IV/2018 - quý cuối năm tài chính của Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

**b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2018 (giai đoạn 01/01/2019 – 31/03/2019):**

- Doanh thu thuần Quý IV/2018: 98,444,245,953 VND
- Doanh thu thuần Quý IV/2017: 105,515,785,339 VND
- Doanh thu thuần Lũy kế đầu kỳ đến cuối Quý IV/2018: 614,692,248,645 VND
- Doanh thu thuần Lũy kế đầu kỳ đến cuối Quý IV/2017: 542,017,039,428 VND
  
- LNST Quý IV/2018: 682,338,672 VND
- LNST Quý IV/2017: 5,121,357,673 VND



- LNST Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối Quý IV/2018: 12,089,256,140 VND
- LNST Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối Quý IV/2017: 8,923,361,976 VND

Doanh thu thuần lũy kế từ đầu kỳ đến cuối Quý IV/2018 tăng 72,67 tỷ VND tương ứng tăng 13.41% so với lũy kế cùng kỳ năm trước.

Lãi hợp nhất sau thuế Quý IV/2018 giảm 4.43 tỷ VND tương ứng giảm 86.68% so với cùng kỳ năm trước.

Lãi hợp nhất sau thuế Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối Quý IV/2018 tăng 3.16 tỷ VND tương ứng tăng 35.48% so với số Lũy kế cùng kỳ năm trước.

Lý do: Lý do chủ yếu của sự biến động trên là do năm 2018 Công ty đã đẩy mạnh mảng kinh doanh thiết bị lớn, tăng cường công tác quản trị dẫn đến doanh thu tăng và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng đạt được kết quả khả quan hơn năm 2017. Lợi nhuận Quý IV/2018 giảm so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do nhà cung cấp mặt hàng phim, máy in cho Công ty thay đổi phương thức tặng hàng dẫn đến thay đổi cách ghi nhận kế toán. Theo đó, khoản thu nhập khác được ghi nhận tại Quý IV/2018 - quý cuối năm tài chính của Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VP.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**LÊ THỊ HÀ THANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thông tin về công ty

**Giấy chứng nhận  
đăng ký kinh doanh:**

Số 0101178800

ngày 14 tháng 11 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010 và được điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 14 tháng 11 năm 2018.

**Hội đồng Quản trị:**

Ông Phạm Quang Huy

Chủ tịch (từ ngày 11 tháng 10 năm 2016 đến ngày 09/09/2018)

Ông Nguyễn Thế Hường

Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)  
Chủ tịch từ ngày 10 tháng 09 năm 2018 đến ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Ông Hosono Kyohei

Chủ tịch (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018)

Ông Nguyễn Mạnh Cường

Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)

Bà Lê Thị Hà Thanh

Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 18/12/2018)

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**Ban Giám đốc:**

Ông Ngô Thanh Sơn

Tổng giám đốc (từ ngày 16 tháng 8 năm 2016 đến ngày 30 tháng 08 năm 2018)

Bà Vũ Thị Thúy Hằng

Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 08 năm 2018)  
kiêm Giám đốc Chi nhánh (từ ngày 16 tháng 8 năm 2016)

Bà Phạm Thị Huyền Khanh

Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2018)

Bà Vương Vân Anh

Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2018)

Ông Bùi Khang

Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 12 năm 2018)

**Ban Kiểm soát:**

Ông Đào Mạnh Hùng

Trưởng Ban Kiểm soát  
(từ ngày 30 tháng 09 năm 2016 đến ngày 28 tháng 08 năm 2018)

Ông Ngô Văn Hùng

Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)

Bà Đặng Thị Hà Giang

Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)

Bà Lương Kim Thanh

Thành viên (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018)

**Trụ sở đăng ký:**

Tầng 24, tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

### Thông tin về công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 03 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vương Văn Anh  
Phó Tổng Giám đốc

Hà nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019	31/3/2018
			VND	VND (Trình bày lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>				
<b>[(100)=110+120+130+140+150]</b>	<b>100</b>		<b>323,103,107,943</b>	<b>238,718,765,940</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> (110=111+112)	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>41,357,505,332</b>	<b>39,849,946,488</b>
Tiền	111		15,857,505,332	18,849,946,488
Các khoản tương đương tiền	112		25,500,000,000	21,000,000,000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> (130=131+132+133+134+135+136+137+139)	<b>130</b>		<b>163,323,280,580</b>	<b>129,059,838,091</b>
Phải thu khách hàng	131	6	500,269,494,892	483,882,090,105
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	334,860,669,184	305,876,415,224
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999,242,500	999,242,500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	514,803,565,844	523,702,602,185
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	(1,187,609,691,840)	(1,185,400,511,923)
<b>Hàng tồn kho (140=141+149)</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>116,560,263,382</b>	<b>66,692,152,694</b>
Hàng tồn kho	141		159,181,460,231	108,479,453,385
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(42,621,196,849)	(41,787,300,691)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b> (150=151+152+153+154+155)	<b>150</b>		<b>1,862,058,649</b>	<b>3,116,828,667</b>
Trả trước ngắn hạn	151	11	782,743,226	2,780,904,932
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,026,365,698	125,012,192
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		52,949,725	210,911,543
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220+230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>378,882,249,368</b>	<b>426,219,190,337</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b> (210=211+212+213+214+215+216+219)	<b>210</b>		<b>3,492,396,741</b>	<b>7,511,922,004</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3,492,396,741	7,511,922,004
<b>Tài sản Cố định (220=221+224+227)</b>	<b>220</b>		<b>346,087,540,405</b>	<b>393,891,069,378</b>
<b>TSCĐ Hữu hình (221=222+223)</b>	<b>221</b>	<b>12</b>	<b>345,476,915,191</b>	<b>339,826,051,841</b>
Nguyên Giá	222		858,882,446,431	760,481,698,756
Khấu hao	223		(513,405,531,240)	(420,655,646,915)
<b>TSCĐ thuê TC (224=225+226)</b>	<b>224</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>53,769,772,443</b>
Nguyên Giá	225		-	76,611,929,888
Khấu hao	226		-	(22,842,157,445)
<b>TSCĐ Vô hình</b>	<b>227</b>	<b>14</b>	<b>610,625,214</b>	<b>295,245,094</b>
Nguyên Giá	228		923,000,480	453,000,480
Khấu hao	229		(312,375,266)	(157,755,386)
<b>Tài sản dở dang dài hạn (240=241+242)</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>10,463,183,584</b>	<b>2,553,884,000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10,463,183,584	2,553,884,000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b> (250=251+252+253+254+255)	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>2,520,000,000</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		750,000,000	750,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		113,270,000,000	110,750,000,000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019	31/3/2018
			VND	VND (Trình bày lại)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(111,500,000,000)	(111,500,000,000)
Tài sản dài hạn khác (260=261+262+263+268)	260		16,319,128,638	22,262,314,955
Trả trước dài hạn	261	11	16,256,931,357	22,184,968,132
Tài sản thuế hoãn lại	262		62,197,281	77,346,823
<b>Tổng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>701,985,357,311</b>	<b>664,937,956,277</b>
<b>C. Nợ Phải Trả (300=310+330)</b>			<b>172,759,617,878</b>	<b>147,801,472,984</b>
<b>Nợ ngắn hạn (310=311+312+...+322+323+324)</b>	<b>310</b>		<b>147,615,417,049</b>	<b>112,308,824,268</b>
Phải trả người bán - ngắn hạn	311	18	107,201,920,937	67,836,752,683
Khách hàng trả tiền trước ngắn hạn	312		11,667,413,972	5,081,681,624
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	448,306,820	10,999,530,628
Phải trả người lao động	314		19,628,645	188,166,240
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	26,328,590,681	13,591,324,751
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1,449,555,994	1,598,886,374
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	500,000,000	13,012,481,968
<b>Nợ dài hạn (330=331+332+...+342+343)</b>			<b>25,144,200,829</b>	<b>35,492,648,716</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20	25,144,200,829	27,610,636,745
Vay và nợ thuê TC Dài hạn	338	22	-	7,882,011,971
<b>Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>529,225,739,433</b>	<b>517,136,483,293</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>529,225,739,433</b>	<b>517,136,483,293</b>
(410=411+412+...+420+421+422)				
Vốn góp của chủ	411		1,125,001,710,000	1,125,001,710,000
Thặng dư vốn	412		402,288,328,850	402,288,328,850
Quỹ đầu tư phát triển	418		19,211,235,252	19,211,235,252
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>(1,017,275,534,669)</b>	<b>(1,029,364,790,809)</b>
(421=421a+421b)				
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1,029,364,790,809)	(1,038,288,152,785)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,089,256,140	8,923,361,976
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440= 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>701,985,357,311</b>	<b>664,937,956,277</b>

Ngày 26 tháng 04 năm 2019

Người lập



Đào Thị Hoa

Kế toán

Người chịu



Lê Thị Hà Thanh

Kế toán trưởng



Vương Văn Anh

Phó Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01	Từ ngày 01 tháng 01	Lũy kế từ đầu năm đến	Lũy kế từ đầu năm đến
			năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	cuối quý này (năm nay)	cuối quý này (năm trước)
			VND	VND	VND	VND
						(Trình bày lại)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>98,478,531,667</b>	<b>105,701,647,225</b>	<b>614,854,574,579</b>	<b>545,500,057,158</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		34,285,714	185,861,886	162,325,934	3,483,017,730
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		98,444,245,953	105,515,785,339	614,692,248,645	542,017,039,428
Giá vốn hàng bán	11	25	80,303,135,881	98,418,752,320	508,326,429,551	432,195,697,740
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		18,141,110,072	7,097,033,019	106,365,819,094	109,821,341,688
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1,640,311,510	167,843,672	4,861,366,571	790,069,009
Chi phí tài chính	22	27	1,712,953,836	1,482,245,537	3,353,927,581	3,978,852,759
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30,900,143	561,459,297	1,140,073,550	3,049,429,388
Chí phí bán hàng	24	30	14,063,328,977	14,813,987,653	69,780,028,836	91,952,874,908
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	8,611,122,405	(1,111,939,929)	35,386,329,848	32,856,704,087
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24+25)}	30		(4,605,983,636)	(7,919,416,570)	2,706,899,400	(18,177,021,057)
Thu nhập khác	31	28	5,613,528,829	14,196,800,794	13,519,559,426	31,942,489,047
Chi phí khác	32	29	321,419,135	828,599,560	3,456,322,741	4,694,930,158
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5,292,109,694	13,368,201,234	10,063,236,685	27,247,558,889
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		686,126,058	5,448,784,664	12,770,136,085	9,070,537,832
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	534,722,569	665,730,403	582,672,294
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3,787,386	(207,295,578)	15,149,542	(435,496,438)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		682,338,672	5,121,357,673	12,089,256,140	8,923,361,976

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6	46	107	79
--------------------------	----	---	----	-----	----

## Giải trình chênh lệch trên 10%:

Doanh thu thuần hợp nhất lũy kế năm 2018 tăng 72,7 tỷ đồng tương đương với tăng 13,4% so với số lũy kế cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế hợp nhất Quý 4/2018 là 0,7 tỷ đồng giảm 4,4 tỷ đồng tương ứng với giảm 86,68% so với lãi sau thuế cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế lũy kế năm 2018 là 12,09 tỷ đồng tăng 3,16 tỷ đồng so với mức lợi nhuận sau thuế lũy kế cùng kỳ năm trước tương đương với mức tăng 35,48%. Lý do chủ yếu của việc tăng trưởng trên là do năm 2018 Công ty đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thiết bị, tăng cường công tác quản trị dẫn đến doanh thu toàn Công ty tăng và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng đạt được những kết quả khả quan. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế quý 4/18 giảm so với cùng kỳ năm trước là do nhà cung cấp thay đổi cách thức tặng hàng dẫn đến khoản thu nhập khác được ghi nhận giảm đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngày 26 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Hà Thanh



Phó Tổng Giám đốc

Vương Văn Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/04/2018 đến 31/03/2019 VND	Giai đoạn từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 VND <i>(Trình bày lại)</i>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>12,770,136,085</b>	<b>9,070,537,832</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		71,376,914,643	69,397,309,386
- Các khoản dự phòng	03		3,043,076,075	(305,758,683)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1,059,763,427)	773,491,605
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,520,889,713)	321,201,801
- Chi phí lãi vay	06		1,140,073,550	3,049,429,388
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08=01+02+03+04+05+06+07)</b>	<b>08</b>		<b>85,749,547,213</b>	<b>82,306,211,329</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33,242,773,799)	22,062,277,468
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50,702,006,846)	14,486,085,824
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		46,553,999,849	(53,994,248,931)
- Tăng, giảm Chi phí trả trước	12		7,926,198,481	(9,360,948,086)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,281,671,139)	(3,148,667,987)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(507,768,585)	(943,393,728)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20=08+09+10+...+16+17)</b>	<b>20</b>		<b>54,495,525,174</b>	<b>51,407,315,889</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31,616,362,836)	(27,770,302,180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		66,818,182	293,847,500
3. Tiền chi cho vay, mua các dụng cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,520,000,000)	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27		1,476,072,263	440,317,568
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (30=21+22+...+26+27)</b>	<b>30</b>		<b>(32,593,472,391)</b>	<b>(27,036,137,112)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/04/2018 đến 31/03/2019 VND	Giai đoạn từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		14,721,713,218	29,838,092,950
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15,721,713,218)	(32,652,492,950)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(19,394,493,939)	(12,012,481,968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)	40		(20,394,493,939)	(14,826,881,968)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1,507,558,844	9,544,296,809
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	39,849,946,488	30,305,649,679
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	41,357,505,332	39,849,946,488

Ngày 26 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Lê Thị Hà Thanh

Phó Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vương Văn Anh

# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1 Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### (b) Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- \* Đại lý buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- \* Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- \* Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- \* Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- \* Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- \* Hoạt động của phòng khám đa khoa.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### (d) Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một công ty con và một công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 Công ty có 229 nhân viên (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 196 nhân viên)

## 2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kỳ kế toán

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

## © Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

## (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3 Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

## 4 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## © Các khoản đầu tư

### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

### Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho.

### (f) Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí.

Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

* Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
* Máy móc và thiết bị	6 – 12 năm
* Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
* Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

### (g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán.

### (h) Tài sản cố định vô hình

#### Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

### (i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

#### Chi phí trả trước dài hạn

#### Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

### (k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### (l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### (m) Vốn cổ phần

#### Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### (o) Doanh thu và thu nhập khác

#### (i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

#### (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện.

Thu nhập được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng) thay vì được ghi nhận riêng biệt vào từng dòng doanh thu và chi phí theo như hướng dẫn hạch toán của Thông tư 200 đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát. Tuy nhiên, Công ty đánh giá việc ghi nhận thu nhập thuần này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính và không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ thuần của Công ty.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### (iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê

### (q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này

### ® Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo;

(i) Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo;

(ii) Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh;

(iii) Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của đơn vị lập báo cáo;

(iv) Bên đó là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (i) hay (iv); hoặc

(v) Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (iv) hoặc (v).

## 5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Tiền mặt	3,234,028,180	3,715,628,670
Tiền gửi ngân hàng	12,623,477,152	15,134,317,818
Các khoản tương đương tiền (i)	25,500,000,000	21,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>41,357,505,332</b>	<b>39,849,946,488</b>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107,340,812,353	107,340,812,353
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97,904,625,613	97,904,625,613
- Khách hàng khác	295,024,056,926	278,636,652,139
<b>Cộng</b>	<b>500,269,494,892</b>	<b>483,882,090,105</b>

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm khoảng 260 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016) là khoản phải thu của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này.

**7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36,635,000,000	36,635,000,000
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21,080,000,000	21,080,000,000
JWB Co., Ltd.	190,230,906,514	190,230,906,514
Nishimura Medical Instrument	29,872,783,121	29,872,783,121
Các công ty khác	57,041,979,549	28,057,725,589
<b>Cộng</b>	<b>334,860,669,184</b>	<b>305,876,415,224</b>

**8 PHẢI THU KHÁC**

	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>514,803,565,844</b>	<b>523,702,602,185</b>
Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ các bên liên quan đến BGD tiền nhiệm (i)	403,295,265,000	403,295,265,000
Phải thu từ cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2,261,219,600	2,261,219,600
Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7,256,442,952	7,256,442,952
Tạm ứng cho nhân viên	95,546,715,055	104,147,235,098
Ký quỹ ngắn hạn	1,662,400,243	2,057,595,618
Vốn liên kết với các bệnh viện	1,033,593,750	1,033,593,750
Phải thu khác	3,747,929,244	3,651,250,167
<b>b. Dài hạn</b>	<b>3,492,396,741</b>	<b>7,511,922,004</b>
Ký quỹ dài hạn	1,106,137,139	4,350,467,136
Vốn liên kết với các bệnh viện	2,386,259,602	3,161,454,868
<b>Cộng</b>	<b>518,295,962,585</b>	<b>531,214,524,189</b>

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ bên liên quan đến BGD tiền nhiệm.

9 NỢ XẤU VÀ NỢ QUÁ HẠN

	31/3/2019				31/3/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>410,105,255,180</b>	<b>30,831,871,758</b>		<b>387,327,928,039</b>	<b>9,963,951,784</b>		
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97,904,625,613	-	Từ 2-3 năm	97,904,625,613	-	Từ 2-3 năm	
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107,340,812,353	-	Từ 1-2 năm	107,340,812,353	-	Từ 1-2 năm	
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33,792,574,163	-	Từ 1-2 năm	33,792,574,163	-	Từ 1-2 năm	
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	28,031,022,362	-	Không xác định	28,031,022,362	-	Không xác định	
Công ty TNHH một thành viên 16A	26,948,625,601	-	Không xác định	26,948,625,601	-	Không xác định	
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10,797,500,000	-	Từ 1-2 năm	10,797,500,000	-	Từ 1-2 năm	
Các đối tượng khác	105,290,095,088	30,831,871,758	Từ 6 tháng-trên 3 năm	82,512,767,947	9,963,951,784	Từ 6 tháng-trên 3 năm	
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>299,028,576,765</b>	-		<b>299,028,576,765</b>	-		
JWB Co., Ltd.	190,230,906,514	-	Không xác định	190,230,906,514	-	Không xác định	
Nishimura Medical Instrument	29,872,783,121	-	Không xác định	29,872,783,121	-	Không xác định	
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36,635,000,000	-	Không xác định	36,635,000,000	-	Không xác định	
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21,080,000,000	-	Không xác định	21,080,000,000	-	Không xác định	
Gold Lite PTE. Ltd	14,851,200,000	-	Không xác định	14,851,200,000	-	Không xác định	
Các đối tượng khác	6,358,687,130	-	Không xác định	6,358,687,130	-	Không xác định	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>510,904,603,203</b>	<b>2,596,114,050</b>		<b>510,606,490,838</b>	<b>2,298,001,685</b>		
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	315,360,806,472	-	Không xác định	315,360,806,472	-	Không xác định	
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87,934,458,528	-	Không xác định	87,934,458,528	-	Không xác định	
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	94,367,409,385	33,950,724	Không xác định	97,169,543,850	36,347,085	Không xác định	
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	9,517,662,552	2,261,219,600	Không xác định	9,517,662,552	2,261,219,600	Không xác định	
Các đối tượng khác	3,724,266,266	300,943,726	Không xác định	624,019,436	435,000	Không xác định	
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>999,242,500</b>	-		<b>999,242,500</b>	<b>299,772,750</b>		
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999,242,500	-	Từ 6 tháng-1 năm	999,242,500	299,772,750	Từ 6 tháng-1 năm	
	<b>1,221,037,677,648</b>	<b>33,427,985,808</b>		<b>1,197,962,238,142</b>	<b>12,561,726,219</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***10 HÀNG TỒN KHO**

	31/3/2019		31/3/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	50,142,439,215	-	5,100,324,992	-
Hàng hóa	100,653,768,059	(42,621,196,849)	96,406,970,651	(41,787,300,691)
Hàng gửi đi bán	8,385,252,957	-	6,972,157,742	-
<b>Cộng</b>	<b>159,181,460,231</b>	<b>(42,621,196,849)</b>	<b>108,479,453,385</b>	<b>(41,787,300,691)</b>

Hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018: 0 VND (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 0 VND)

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>782,743,226</b>	<b>2,780,904,932</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	266,658,489	2,398,248,334
Các khoản khác	516,084,737	382,656,598
<b>b. Dài hạn</b>	<b>16,256,931,357</b>	<b>22,184,968,132</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	679,532,315	2,636,320,851
Chi phí sửa chữa, bảo trì, làm phòng cho tài sản liên kết	9,183,124,281	14,661,689,154
Các khoản khác	6,394,274,761	4,886,958,127
<b>Cộng</b>	<b>17,039,674,583</b>	<b>24,965,873,064</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	733,117,472,996	26,822,809,104	541,416,656	760,481,698,756
Mua sắm	21,152,319,252	2,084,744,000	-	23,237,063,252
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	76,611,929,888	-	-	76,611,929,888
Tăng khác (Điều chuyển TSCĐ)	(49,090,910)		49,090,910	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(145,705,470)	(308,589,545)	-	(454,295,015)
Giảm khác: Tặng	(993,950,450)	-	-	(993,950,450)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	829,692,975,306	28,598,963,559	590,507,566	858,882,446,431
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	404,369,436,838	16,093,267,985	192,942,092	420,655,646,915
Khấu hao trong năm	64,716,434,855	1,911,229,948	137,066,679	66,764,731,482
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	27,299,720,726	-	-	27,299,720,726
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(12,027,888)	(308,589,545)		(320,617,433)
Giảm khác: Tặng	(993,950,450)			(993,950,450)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	495,379,614,081	17,695,908,388	330,008,771	513,405,531,240
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	368,570,232,923	7,028,109,711	311,597,421	339,826,051,841
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	334,313,361,225	10,903,055,171	260,498,795	345,476,915,191

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là: 41,8 tỷ VND được sử dụng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 50,5 tỷ VND)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc và thiết bị
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	76,611,929,888
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(76,611,929,888)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	22,842,157,445
Khấu hao trong kỳ	4,457,563,281
Chuyển sang khấu hao TSCĐ hữu hình	(27,299,720,726)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	60,843,580,682
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-

**14 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	453,000,480
Tăng trong kỳ	470,000,000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	923,000,480
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	157,755,386
Khấu hao trong kỳ	154,619,880
<b>Số dư cuối kỳ</b>	312,375,266

**15 TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/3/2019	31/3/2018
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10,463,183,584	2,553,884,000
<b>Cộng</b>	<b>10,463,183,584</b>	<b>2,553,884,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**16 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

31/3/2019

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
				VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:</b>				750,000,000	(750,000,000)	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750,000,000	(750,000,000)	(*)
<b>Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế</b>				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110,750,000,000	(110,750,000,000)	(*)
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>						
· Mua Trái phiếu				2,520,000,000	-	
				114,020,000,000	(111,500,000,000)	(*)

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các đầu tư tài chính.

31/3/2018

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
				VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:</b>				750,000,000	(750,000,000)	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750,000,000	(750,000,000)	
<b>Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế</b>				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
				111,500,000,000	(111,500,000,000)	



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

		31/3/2019	31/3/2018
		VND	VND
			(Trình bày lại)
<b>Các khoản phải trả</b>			
Thuế giá trị gia tăng		20,345,334	7,064,310,576
Thuế xuất, nhập khẩu		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		(52,949,725)	(210,911,543)
Thuế thu nhập cá nhân		427,961,486	578,312,641
Thuế khác		-	3,356,907,411
<b>Cộng</b>		<b>395,357,095</b>	<b>10,788,619,085</b>

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	52,949,725	210,911,543
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	448,306,820	10,999,530,628

**18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/3/2019		31/3/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	73,945,811,250	73,945,811,250	19,894,819,894	19,894,819,894
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	28,598,334,236	28,598,334,236	32,185,758,591	32,185,758,591
- Phải trả cho các đối tượng khác	4,657,775,451	4,657,775,451	15,756,174,198	15,756,174,198
<b>Cộng</b>	<b>107,201,920,937</b>	<b>107,201,920,937</b>	<b>67,836,752,683</b>	<b>67,836,752,683</b>

**19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

		31/3/2019	31/3/2018
		VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn		15,607,999,738	7,661,717,527
- Trích trước hoa hồng kinh doanh		4,282,476,702	3,087,489,295
- Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết		5,647,823,408	1,707,903,047
- Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm		363,765,780	512,914,077
- Trích trước chi phí lãi vay		2,111,111	143,708,700
- Các khoản trích trước khác		424,413,942	477,592,105
<b>Cộng</b>		<b>26,328,590,681</b>	<b>13,591,324,751</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác.

**20 PHẢI TRẢ KHÁC**

		31/3/2019	31/3/2018
		VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>1,449,555,994</b>	<b>1,598,886,374</b>
- Kinh phí công đoàn;		169,127,200	515,600,497
- Bảo hiểm xã hội		345,655,673	287,588,615
- Bảo hiểm y tế		62,834,060	54,095,035
- Bảo hiểm thất nghiệp		27,110,249	23,879,570
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		844,828,812	717,722,657
<b>b. Dài hạn</b>		<b>25,144,200,829</b>	<b>27,610,636,745</b>
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)		25,144,200,829	27,610,636,745
<b>Cộng</b>		<b>26,593,756,823</b>	<b>29,209,523,119</b>

(i) Phản ánh tiền nhận vốn góp của các cá nhân tham gia dự án liên kết thiết bị y tế tại các Bệnh viện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/3/2018	Trong kỳ		31/3/2019
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>14,721,713,218</b>	<b>14,721,713,218</b>	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam-Tây Hà Nội (BIDV)	-	14,721,713,218	14,721,713,218	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)</b>	<b>1,000,000,000</b>	<b>500,000,000</b>	<b>1,000,000,000</b>	<b>500,000,000</b>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1,000,000,000	500,000,000	1,000,000,000	500,000,000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)</b>	<b>12,012,481,968</b>	<b>7,382,011,971</b>	<b>19,394,493,939</b>	-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	4,882,048,596	2,034,186,921	6,916,235,517	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Vietcombank	7,130,433,372	5,347,825,050	12,478,258,422	-
<b>Cộng</b>	<b>13,012,481,968</b>	<b>22,603,725,189</b>	<b>35,116,207,157</b>	<b>500,000,000</b>

**22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/3/2018	Trong kỳ		31/3/2019
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1,500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>	<b>1,500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1,500,000,000	500,000,000	1,500,000,000	500,000,000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>19,394,493,939</b>	<b>7,382,011,971</b>	<b>26,776,505,910</b>	-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	6,916,235,517	2,034,186,921	8,950,422,438	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Vietcombank	12,478,258,422	5,347,825,050	17,826,083,472	-
<b>Cộng</b>	<b>20,894,493,939</b>	<b>7,882,011,971</b>	<b>28,276,505,910</b>	<b>500,000,000</b>
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	13,012,481,968			500,000,000
- Số phải trả sau 12 tháng	7,882,011,971			-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
				<i>(Trình bày lại)</i>	<i>(Trình bày lại)</i>
Số dư tại ngày 01 tháng 4 năm 2017	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,038,288,152,785)	508,213,121,317
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	8,923,361,976	8,923,361,976
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01 tháng 4 năm 2018	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,029,364,790,809)	517,136,483,293
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12,089,256,140	12,089,256,140
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2019	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,017,275,534,669)	529,225,739,433

**Cổ phiếu**

-Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+Cổ phiếu phổ thông

-Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

**Số cuối kỳ**

112,500,171

112,500,171

**Số đầu kỳ**

112,500,171

112,500,171

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 16, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710 đồng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**24 DOANH THU**

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong đó:

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	56,505,429,651	72,284,467,593
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	34,146,216,590	27,775,249,858
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,826,885,426	5,641,929,774
<b>Cộng</b>	<b>98,478,531,667</b>	<b>105,701,647,225</b>

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Hàng bán bị trả lại	34,285,714	185,861,886
<b>Cộng</b>	<b>34,285,714</b>	<b>185,861,886</b>

Doanh thu thuần **98,444,245,953** **105,515,785,339**

**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	46,112,877,543	56,674,383,658
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	27,548,952,826	41,901,905,987
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5,470,942,483	5,325,618,782
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,170,363,029	(5,483,156,107)
<b>Cộng</b>	<b>80,303,135,881</b>	<b>98,418,752,320</b>

**26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1,014,100,121	164,694,294
Lãi chênh lệch tỷ giá	626,211,389	1,297,856
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1,851,522
<b>Cộng</b>	<b>1,640,311,510</b>	<b>167,843,672</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	30,900,143	561,459,297
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,682,053,693	920,786,240
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,712,953,836</b>	<b>1,482,245,537</b>

**28 THU NHẬP KHÁC**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Chi phí Hỗ trợ, biếu tặng từ nhà cung cấp	5,375,858,731	10,892,536,954
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Các khoản khác	237,670,098	3,304,263,840
<b>Cộng</b>	<b>5,613,528,829</b>	<b>14,196,800,794</b>

**29 CHI PHÍ KHÁC**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	532,161,147
Chi phí khác	321,419,135	296,438,413
<b>Cộng</b>	<b>321,419,135</b>	<b>828,599,560</b>

**30 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>8,611,122,405</b>	<b>(1,111,939,929)</b>
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1,678,759,447	(8,384,811,446)
- Chi phí nhân viên	4,454,001,334	4,055,437,972
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2,478,361,624	3,217,433,545
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>14,063,328,977</b>	<b>14,813,987,653</b>
- Chi phí nhân viên	2,528,515,076	5,001,074,375
- Các khoản chi phí bán hàng khác	11,534,813,901	9,812,913,278

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

--	--

**31 THUẾ THU NHẬP**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	-	534,722,569
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	534,722,569

**32 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan

Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Tín

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018
	VND	VND
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	-	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-

Thu nhập của BGD được hưởng trong kỳ như sau:

Kỳ này

Kỳ trước

VND

VND

Thu nhập của Ban Giám đốc

1,022,966,194

1,356,532,000

**33 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu của kỳ báo cáo năm trước được điều chỉnh lại để phù với việc so sánh số liệu của kỳ này:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	657,037,729	10,342,492,899	10,999,530,628
Lợi nhuận/lỗ sau thuế TNDN	10,516,010,563	(1,592,648,587)	8,923,361,976
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(1,029,538,308,473)	(8,749,844,312)	(1,038,288,152,785)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**Mẫu B 09 - DN**

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Ngày 26 tháng 04 năm 2019

Người lập



Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng



Lê Thị Hà Thanh



Phó Tổng Giám đốc



Vương Văn Anh

